CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG
Date: 2026.08.11 18:45:14 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN APG
APG SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: 1355.26.APG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2026
Ho Chi Minh City, August, 11th 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
IRREGULAR INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

To:
- ***The State Securities Commission;***
- ***Vietnam Exchange;***
- ***Hanoi Stock Exchange;***
- ***Hochiminh Stock Exchange.***

1. Thông tin về tổ chức /*Information about the organization:*
   - Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán APG**
     Name of organization: ***APG Securities Joint Stock Company***
   - Mã chứng khoán/ *Stock code:* APG
   - Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, số 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: OSC Vietnam Office Building, No. 161 Vo Van Tan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại/ *Tel:* 028 37696666 Fax: 028 37667688
   - Email: info@apsi.vn
   - Người thực hiện công bố thông tin: Bùi Trọng Bẩy
     Person responsible for information disclosure: Bui Trong Bay
2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*
   Ngày 30/07/2026, Công ty Cổ phần Chứng khoán APG ("Công ty") đã công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026 ("Báo cáo quản trị"). Do sơ suất trong quá trình tổng hợp thông tin, Công ty xin đính chính một số thông tin tại Phụ lục III - GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ trên Báo cáo quản trị như sau:

On July 30, 2026, APG Securities Joint Stock Company (the "Company") disclosed The Corporate Governance Report for the first half of 2026 (the "Corporate Governance Report"). Due to an oversight during the information compilation process, the Company would like to rectify certain information in APPENDIX III: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS of the Corporate Governance Report as follows:

Nội dung công bố:

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
1	Pando I Investment PTE.LTD	- Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết công ty *An organization holding more than 10% of the company's voting shares* - Tổ chức có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT *An organization related to Vice Chairman of the BOD*			Nửa đầu năm 2026	NQ HĐQT số 1002.2026.BOD(1) ngày 06/01/2026 *Resolution No. 1002.2026.BOD(1) dated 06/01/2026* NQ HĐQT số 1009.2026.BOD(1) ngày 01/4/2026 *Resolution No. 1009.2026.BOD(1) dated 01/4/2026*	1.Giao dịch vay với giá trị 10,750,000 USD (tương đương khoảng *282.004.750.000* đồng *Loan transaction with a value of USD 10,750,000 (equivalent to approximately VND 282,004,750,000)* *2.Giao dịch trả nợ vay ngày 02/04/2026, số tiền: 9.728.972,6USD*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							(tương đương 256.309.783.147 đồng *Loan repayment transaction dated 02/04/2026, amount: USD 9,728,972.6 (equivalent to VND 256,309,783,147)* *3.Lãi vay phát sinh trong kỳ: 323.558 (tương đương 8.459.964.527 đồng)* *Interest expense incurred during the period: USD 323,558 (equivalent to VND 8,459,964,527)*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							4.Công nợ vay phải trả: 10.979.284,25 USD (tương đương: 288.601.465.706 đồng). Trong đó: *-Số dư nợ gốc: 10.750.000 USD* *-Số dư lãi vay phải trả: 229.284,25 USD* *Outstanding loan payable: USD 10,979,284.25 (equivalent to VND 288,601,465,706) Including:* *-Outstanding principal balance: USD 10,750,000*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							-Outstanding interest payable: USD 229,284.25	
2	Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD* (miễn nhiệm ngày 19/6/2026) *(dismissal on June 19, 2026)*			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 122 đồng Công nợ phải thu: 20 đồng Revenue from securities transactions and other services VND 122 Receivable VND 20	
3	Nguyễn Thị Lợi	Người có liên quan của người nội bộ			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 102.627 đồng	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							Công nợ phải thu: 17.010 đồng Revenue from securities transactions and other services VND 102,627 Receivable VND 17,010	
4	Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc *General Director*			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 553.860 đồng Công nợ phải thu: 455.955 đồng Revenue from securities transactions and	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							other services VND 553,860 Receivable VND 455,955	

Nội dung đính chính:

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
1	Pando I Investment PTE.LTD	- Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết công ty *An organization holding more than 10% of the company's voting shares* - Tổ chức có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT *An organization related to Vice Chairman of the BOD*			Nửa đầu năm 2026	NQ HĐQT số 1002.2026.BOD(1) ngày 06/01/2026 *Resolution No. 1002.2026.BOD(1) dated 06/01/2026* NQ HĐQT số 1009.2026.BOD(1) ngày 01/4/2026 *Resolution No. 1009.2026.BOD(1) dated 01/4/2026*	1.Giao dịch vay với giá trị 10,750,000 USD (tương đương khoảng *282.004.750.000* đồng *Loan transaction with a value of USD 10,750,000 (equivalent to approximately VND 282,004,750,000)* *2.Giao dịch trả nợ vay ngày 02/04/2026, số tiền: 9.728.972,6USD (tương đương*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							256.309.783.147 đồng *Loan repayment transaction dated 02/04/2026, amount: USD 9,728,972.6 (equivalent to VND 256,309,783,147)* *3.Lãi vay phát sinh trong kỳ: 323.558 (tương đương 8.459.964.527 đồng)* *Interest expense incurred during the period: USD 323,558 (equivalent to VND 8,459,964,527)*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							4.Công nợ vay phải trả: 10.979.284,25 USD (tương đương: 288.601.465.706 đồng). Trong đó: *-Số dư nợ gốc: 10.750.000 USD* *-Số dư lãi vay phải trả: 229.284,25 USD* *Outstanding loan payable: USD 10,979,284.25 (equivalent to VND 288,601,465,706) Including:* *-Outstanding principal balance: USD 10,750,000*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							-Outstanding interest payable: USD 229,284.25	
2	Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD* (miễn nhiệm ngày 19/6/2026) *(dismissal on June 19, 2026)*			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 122 đồng Công nợ phải thu: 20 đồng Revenue from securities transactions and other services VND 122 Receivable VND 20	
3	Nguyễn Thị Lợi	Người có liên quan của người nội bộ			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 102.627 đồng	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							Công nợ phải thu: 17.010 đồng Revenue from securities transactions and other services VND 102,627 Receivable VND 17,010	
4	Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc *General Director*			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 553.860 đồng Công nợ phải thu: 455.955 đồng Revenue from securities transactions and	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							other services VND 553,860 Receivable VND 455,955	
5	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Người nội bộ			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 54.247 đồng Công nợ phải thu: 8.991 đồng Revenue from securities transactions and other services VND 54,247 Receivable VND 8,991	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
6	Tăng Nguyễn Trâm Anh	Người nội bộ			Nửa đầu năm 2026		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 3.550 đồng Công nợ phải thu: 122 đồng Revenue from securities transactions and other services VND 3,550 Receivable VND 122	

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/08/2026 tại đường dẫn https://apsi.vn/

This information was published on the Company's website on August 11th, 2026, at the following link: https://apsi.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct; we bear the full responsible to the law.

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố
Documents related to the disclosed information.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người UQ CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

BÙI TRỌNG BẨY

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN APG
APG SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số/ *No.*: 1331.26.APG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 30th , 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng đầu Năm 2026/ *The first half of 2026*)

Kính gửi/ *To*:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  The State Securities Commission;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
  Vietnam Exchange;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
  Hanoi Stock Exchange;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
  Hochiminh Stock Exchange.

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán APG**
  Name of company: ***APG Securities Joint Stock Company***
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà văn phòng OSC Việt Nam, 161 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Tp. HCM.
  Address of head office: OSC Vietnam Office Building, No. 161 Vo Van Tan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại/ *Telephone*: 028 37696666 Fax: 028 37667688 Email: info@apsi.vn
- Vốn điều lệ: 2.236.219.420.000 đồng *(Hai nghìn hai trăm ba mươi sáu tỷ hai trăm mười chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).*
  Charter capital: VND 2,236,219,420,000 (Two trillion two hundred thirty-six billion two hundred nineteen million four hundred twenty thousand Vietnamese dong).
- Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: APG
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.
  Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
  The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings, resolutions of the General Meeting of Shareholders ("GMS") (including the resolutions of the GMS approved in the form of written comments):*

Stt *No.*	Số Nghị quyết *Resolution No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Ghi chú *Note*
1	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/APG	19/06/2026	Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, ĐHĐCĐ đã thông qua các vấn đề sau: *At the 2026 Annual GMS, the GMS approved the following matters:* - Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") năm 2025 và kế hoạch kinh hoạt động năm 2026. *Through the Board of Directors' ("BOD") Activity Report for 2025 and the Business Plan for 2026.* - Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025. *Through the Report on the Activities of Independent Board Members and the results of the Board's performance evaluation for 2025.* - Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, kế hoạch kinh doanh năm 2026. *Approval of the Report of the General Director on the business results in 2025, the business plan for 2026.* - Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ủy ban kiểm toán ("UBKT") và định hướng hoạt động năm 2026. *Approval of the Report on the activities of the Board of Audit ("BOA") in 2025 and the operational orientation for 2026.* - Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. *Approval of the Financial Statements and the Report on the Financial Safety Ratio in 2025 that have been audited.* - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.	

Stt *No.*	Số Nghị quyết *Resolution No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Ghi chú *Note*
			Approval of the plan for distributing profits in 2025. - Thông qua thù lao HĐQT năm 2025 và thù lao HĐQT năm 2026. *Approval of the Board of Directors' remuneration for 2025 and the Board of Directors' remuneration for 2026.* - Thông qua ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026. *Approval of the authorization for the BOD to select the auditing unit for 2026.* - Thông qua việc hủy phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026. *Approval of the cancellation of the private placement plan approved at the 2025 Annual General Meeting and the private placement plan for 2026.* - Thông qua tình hình triển khai chủ trương phát hành trái phiếu riêng lẻ được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. *Approval of the progress of the plan to issue private placement bonds approved at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.* - Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026 và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031. *Approval of the dismissal of members of the Board of Directors for the 2022-2026 term and the election of members of the Board of Directors for the 2026-2031 term.* - Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031. *Approval of the election results for the Board of Directors for the 2026-2031 term.*	

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026)/ *Report for the first six months of 2026):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị/ *Information about the members of the Board of Directors:*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *BOD members*	Chức vụ/ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập *The date becoming/ceasing to be the member of the BOD*	
			Ngày bổ nhiệm/ *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm/ *Date of dismissal*
1	Ông Nguyễn Hồ Hưng *Mr. Nguyen Ho Hung*	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*	09/04/2022	19/6/2026
2	Ông Huỳnh Minh Tuấn *Mr. Huynh Minh Tuan*	Phó Chủ tịch HĐQT *Vice Chairman of the BOD*	11/08/2024	19/6/2026
3	Ông Lê Đinh Chí Linh *Mr. Le Dinh Chi Linh*	Thành viên HĐQT độc lập *Independent BOD member*	11/08/2024	19/6/2026
4	Ông Ong Tee Chun *Mr. Ong Tee Chun*	Thành viên HĐQT *BOD member* Phó Chủ tịch HĐQT *Vice Chairman of the BOD*	25/04/2025 Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT ngày 19/6/2026/*Appointment of Vice Chairman of the Board of Directors on* 19/06/2026	
5	Ông Lê Bình Phương *Mr. Le Binh Phuong*	Thành viên HĐQT *BOD member*	11/08/2024	
6	Ông Lê Đinh Chí Linh *Mr. Le Dinh Chi Linh*	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*	19/6/2026	
7	Ông Phan Tấn Quốc Việt Mr. Phan Tan Quoc Viet	Thành viên HĐQT độc lập *Independent BOD member*	19/6/2026	
8	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT *BOD member*	19/6/2026	

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *BOD members*	Chức vụ/ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập *The date becoming/ceasing to be the member of the BOD*	
			Ngày bổ nhiệm/ *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm/ *Date of dismissal*
	Mr. Nguyen Tuan Anh			

2. Các cuộc họp HĐQT/ *Meetings of the BOD:*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *BOD members*	Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of meetings attended by BOD*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate*	Lý do không tham dự họp/ Reasons *for absence*
1	Ông Nguyễn Hồ Hưng *Mr. Nguyen Ho Hung*	18/20	90%	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 từ ngày 19/6/2026 *Dismissed pursuant to the 2026 GMS Resolution, effective from June 19th, 2026*
2	Ông Huỳnh Minh Tuấn *Mr. Huynh Minh Tuan*	17/20	85%	Có đơn từ nhiệm và miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 từ ngày 19/6/2026 *There are resignation and dismissal requests in accordance with the General Shareholders' Meeting Resolution of 2026, effective from June 19, 2026.*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *BOD members*	Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of meetings attended by BOD*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate*	Lý do không tham dự họp/ Reasons *for absence*
3	Ông Lê Đình Chi Linh *Mr.Le Dinh Chi Linh*	20/20	100%	
4	Ông Lê Bình Phương *Mr.Le Binh Phuong*	20/20	100%	
5	Ông Ong Tee Chun *Mr. Ong Tee Chun*	20/20	100%	
6	Ông Phan Tấn Quốc Việt *Mr. Phan Tan Quoc Viet*	02/20	10%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 ngày 19/6/2026 *Appointed pursuant to the 2026 GMS Resolution dated June 19, 2026.*
7	Ông Nguyễn Tuấn Anh *Mr. Nguyen Tuan Anh*	02/20	10%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 ngày 19/6/2026 *Appointed pursuant to the 2026 GMS Resolution dated June 19, 2026.*

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the BOD:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai các công việc tuân thủ quy định Điều lệ Công ty, các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng chức năng và nhiệm vụ, cụ thể như sau:

During the first six months of 2026, the Board of Management directed the implementation of tasks in compliance with the Company's Charter, resolutions of the GMS and the BOD in accordance with their functions and duties, as follows:

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
  Prepare Business Plan in 2026 to submit Annual GMS;
- Tiến hành thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
  Implemented the business plans approved by the GMS and the BOD;
- Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh các hoạt động quản trị rủi ro;
  Continued strengthening risk management activities;
- Về nhân sự và tiền lương/ *Regarding personnel and salary:*

+ Tập trung phát triển nhân lực tại các mảng nghiệp vụ trọng yếu, triển khai tuyển dụng nhân sự cao cấp phù hợp định hướng kinh doanh của công ty;
Focused on developing human resources in key operational areas and recruiting senior personnel aligned with the company's business orientation;
+ Rà soát xây dựng Quy chế lương thưởng hiệu quả, cạnh tranh nhằm thu hút nhân tài, gắn kết người lao động với công ty, gia tăng hiệu suất làm việc, góp phần nâng cao kết quả kinh doanh.
Reviewed and established an effective, competitive salary and bonus policy to attract talent, foster employee engagement with the company, enhance productivity, and contribute to improved business performance.

Việc điều hành kinh doanh và quản trị công ty của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng các chuẩn mực, phù hợp với thông lệ quản trị của Việt Nam cũng như trên thế giới, luôn đề cao quyền lợi của Công ty và lợi ích của cổ đông.
The Board of Management's management of business operations and corporate governance is carried out in strict compliance with established standards, in line with corporate governance practices in Viet Nam as well as internationally, always prioritizing the interests of the Company and its shareholders.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết HĐQT, những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành. Thông qua những báo cáo kịp thời, chính xác của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT cũng nhanh chóng đưa ra những nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn.
The Board of Management is responsible for reporting business performance, the progress of BOD resolutions, and challenges encountered during management. Through timely and accurate reports from the Board of Management, the BOD promptly issues resolutions to adjust and supplement strategies to align with practical conditions.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có)/ *Activities of the BOD subcommittees (if any):* Không/ *None.*

5. Các Nghị quyết của HĐQT (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ *Resolutions of the BOD (Report for the first six months of 2026):*

Stt *No.*	Số Nghị quyết *Resolution No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
1	1001.2026.BOD(1)	06/01/2026	Nghị quyết thông qua việc chỉ định và giao quyền, ủy quyền quyết định, ký kết các văn bản, hồ sơ liên quan đến việc sử dụng hạn mức tín dụng đã được Hội đồng quản trị thông qua. *Resolution approving the designation, authorization, and delegation of decision-making and execution of all documents related to the utilization of credit facilities from credit institutions as approved by the BOD.*	100%
2	1002.2026.BOD(1)	06/01/2026	Nghị quyết thông qua giao dịch và ký kết Hợp đồng vay với người có liên quan của Công ty. *Resolution approving the transaction and execution of the Loan Contract with a related party of the Company.*	100%
3	1003.2026.BOD(1)	09/01/2026	Nghị quyết thông qua điều chỉnh giao dịch và ký kết Phụ lục Hợp đồng vay với người có liên quan của Công ty. *Resolution approving the admendment of the transaction and execution of the Loan Contract Addendum with a related party of the Company.*	100%
4	1003A.2026.BOD(1)	29/01/2026	Nghị quyết thông qua nội dung Chính sách rủi ro năm 2026. *Resolution approving the 2026 Risk Policy.*	100%
5	1004.2026.BOD(1)	03/02/2026	Nghị quyết thông qua điều chỉnh tiền lương đối với Ông Trần Thiên Hà – Tổng Giám đốc của Công ty. *Resolution approving adjustment of salary for Mr. Tran Thien Ha – the Company's General Director.*	100%

Stt *No.*	Số Nghị quyết *Resolution No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
6	1005.2026.BOD(1)	02/03/2026	Nghị quyết thông qua nội dung báo cáo, giải trình tại Đại hội đồng cổ đông. *Resolution approving the reporting/explanation contents to the General Meeting of Shareholders.*	100%
7	1006.2026.BOD(1)	05/03/2026	Nghị quyết thông qua việc gia hạn thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. *Approval of the extension of the scheduled time for holding the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.*	100%
8	1007.2026.BOD(1)	24/03/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026 *Resolution approving the plan for organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders (AGM)*	100%
9	1008.2026.BOD(1)	31/03/2026	Nghị quyết bổ nhiệm PTGĐ - Trần Đình Huân *Resolution on the appointment of Deputy General Director – Tran Dinh Huan*	100%
10	1009.2026.BOD(1)	01/04/2026	Nghị quyết thông qua giao dịch với người có liên quan của Công ty *Resolution approving transactions with related parties of the Company*	100%
11	1010.2026.BOD(1)	10/04/2026	Nghị quyết miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội Đồng quản trị của Công ty Cổ phần chứng khoán APG *Resolution on the dismissal of the Person in Charge of Corporate Governance cum Secretary of the Board of Directors of APG Securities Joint Stock Company*	100%

Stt *No.*	Số Nghị quyết *Resolution No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
12	1011.2026.BOD(1)	23/04/2026	Nghị quyết bổ nhiệm PTGĐ - Nguyễn Thanh Lâm *Resolution on the appointment of Deputy General Director – Nguyen Thanh Lam*	100%
13	1011.2026.BOD(2)	23/04/2026	Nghị quyết thông qua Quy định tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc *Resolution approving the Regulations on Organization and Operation of the Board of General Directors*	100%
14	1012.2026.BOD(1)	24/04/2026	Nghị quyết thông qua kế hoạch kinh doanh 2026 và bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 *Resolution approving the 2026 business plan and the documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.*	100%
15	1012.2026.BOD(2)	24/04/2026	Nghị quyết bổ nhiệm người quản trị công ty *Resolution on the appointment of Person in Charge of Corporate Governance*	100%
16	1013.2026.BOD	08/05/2026	Nghị quyết tái ký Hợp đồng lao động với kế toán trưởng *Resolution on the renewal of the labor contract with Chief Accountant*	100%
17	1014.2026.BOD	22/05/2026	Nghị quyết thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 và gia hạn thời gian nhận hồ sơ để cử ứng cử thành viên HĐQT *Resolution on changing the time of the 2026 AGSM and extending the deadline for receiving*	100%

Stt *No.*	Số Nghị quyết *Resolution No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*
			nomination/candidacy dossiers for Board of Directors members	
18	1015.2026.BOD	02/06/2026	Nghị quyết nhận cấp hạn mức tín dụng tại các chi nhánh của Ngân hàng BIDV *Resolution regarding receiving credit limits at BIDV Bank branches*	100%
19	1016.2026.BOD	08/06/2026	Nghị quyết giới thiệu ứng viên, thông qua danh sách ứng viên HDQT, cập nhật tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 *Resolution on introducing candidates, approving the list of Board of Directors candidates, and updating 2026 AGSM documents*	100%
20	1017.2026.BOD	30/06/2026	Nghị quyết nhận cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VCB - chi nhánh Thống Nhất *Resolution on receiving credit limits at VCB Bank - Thong Nhat branches*	100%
21	1018.2026.BOD	17/06/2026	Nghị quyết thông qua ban hành văn bản quản trị nội bộ *Resolution approving the issuance of internal governance documents*	100%
22	1019.2026.BOD	19/06/2026	Nghị quyết vv bầu chức danh Hội đồng quản trị và UBKT *Resolution regarding the election of Board of Directors and Board of Audit positions*	100%

III. Ủy ban Kiểm toán/ *Board of Audit:*

1. Thông tin về thành viên UBKT/ *Information about members of BOA:*

Stt No.	Thành viên UBKT *Members of BOA*	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu là thành viên UBKT *The date becoming to be the member of the BOA*	Ngày không còn là thành viên UBKT *The date ceasing to be the member of the BOA*	Trình độ chuyên môn *Qualification*
1	Ông Lê Đinh Chí Linh *Mr. Le Dinh Chi Linh*	Chủ tịch UBKT *Chairman of the BOA*	02/06/2025	19/06/2026	Cử nhân *Bachelor*
2	Ông Lê Bình Phương *Mr. Le Binh Phuong*	Thành viên UBKT *BOA member*	02/06/2025		Thạc sĩ *Master*
3	Ông Phan Tấn Quốc Việt *Mr. Phan Tan Quoc Viet*	Chủ tịch UBKT *Chairman of the BOA*	19/06/2026		Thạc sĩ *Master*

2. Cuộc họp của UBKT/ *Meetings of BOA*:

Stt *No.*	Thành viên UBKT *Members of BOA*	Số buổi họp tham dự *Number of meetings attended*	Tỷ lệ tham dự họp *Attendance rate*	Tỷ lệ biểu quyết *Voting rate*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*
1	Ông Lê Đinh Chí Linh *Mr. Le Dinh Chi Linh*	01/01	100%	100%	
2	Ông Lê Bình Phương *Mr. Le Binh Phuong*	01/01	100%	100%	
3	Ông Phan Tấn Quốc Việt *Mr. Phan Tan Quoc Viet*	0/01	0%	0%	Bổ nhiệm theo NQ HĐQT ngày 19/6/2026 *Appointment pursuant to the Board of Directors' Resolution dated June 19, 2026*

3. Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising BOD, Board of Management and shareholders by BOA:*

- Kiểm tra tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác;
  Examine compliance with current laws, the Company's Charter, and the Corporate Gvernance Regulations, including but not limited to compliance with legal obligations related to taxes, mandatory insurance, and other financial obligations;
- Kiểm tra việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình của Công ty;
  Inspect adherence to the Company's policies, regulations, and procedures;
- Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro;
  Assess the adequacy and effectiveness of the Company's internal control system in preventing, detecting, and promptly addressing risks;
- UBKT đã thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của UBKT;
  The BOA reported to the GMS on the 2025 performance results and the 2026 action plan of the BOA;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong kỳ;
  Oversee the Company's business activities and financial position during the period;
- Trao đổi với tổ chức kiểm toán độc lập để làm rõ các vấn đề phát sinh, các rủi ro phát hiện trong quá trình kiểm toán độc lập để kiến nghị các giải pháp xử lý, và ngăn ngừa rủi ro;
  Engage with the independent auditing organization to clarify arising issues and risks identified during the independent audit process, propose solutions for resolution, and mitigate risks;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
  Evaluate the effectiveness of the internal governance system through a review of reports from the internal audit, internal control, and risk management departments.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the BOA, the Board of Management, BOD and other managers:*

UBKT đã nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi thông qua việc được cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

The BOA has received cooperation and support through the provision of complete documents and information related to the Company's corporate governance, business activities, and financial status.

5. Hoạt động khác của UBKT (nếu có)/ *Other activities of the BOA (if any):* Không có/ *None.*

IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

STT *No.*	Thành viên Ban điều hành/Members *of Board of Management*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Chức vụ *Position*	Trình độ chuyên môn *Qualification*	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ *Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /*
1	Ông Trần Thiên Hà *Mr. Tran Thien Ha*	26/05/1971	Tổng Giám đốc *General Director*	Thạc sĩ *Master*	Ngày bổ nhiệm: 18/04/2022 *Date of appointment: 18/04/2022*
2	Ông Trần Đình Huân Mr. Tran Dinh Huan	08/9/1978	Phó Tổng giám đốc Deputy General *Director*	Cử nhân Bachelor	Ngày bổ nhiệm: 01/4/2026 *Date of appointment:* 01/4/2026
3	Ông Nguyễn Thanh Lâm Mr. Nguyen Thanh Lam	16/10/1971	Phó Tổng giám đốc Deputy General *Director*	Cử nhân Bachelor	Ngày bổ nhiệm 23/4/2026 *Date of appointment:* 23/4/2026

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên *Name*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ *Qualification*	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm *Date of appointment/ dismissal*
Bà Nguyễn Thị Tố Uyên *Ms. Nguyen Thi To Uyen*	07/09/1979	Cử nhân *Bachelor*	Ngày bổ nhiệm: 03/12/2025 *Date of appointment: 03/12/2025*

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training course on corporate gorvernance:*

Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị công ty luôn cập nhật đầy đủ các vấn đề đào tạo về quản trị công ty, đã và đang tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

Members of the Board of Directors, the Board of Management, and the Person in charge of Corporate Governance regularly and fully update themselves on corporate governance training matters and have participated and are participating in corporate governance training courses in accordance with applicable regulations.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ ***The list of affiliated persons of the public company (report for the first six months of 2026) and transactions of affiliated persons of the Company)***

1. Danh sách người có liên quan của công ty/ ***The list of affiliated persons of the Company:*** Theo Phụ lục I đính kèm/ *According to attached Appendix I.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ ***Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:*** Theo Phụ lục III đính kèm/ *According to attached Appendix III.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ ***Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:*** Không có/ *None.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ ***Transactions between the Company and other objects***

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*: Không có/ *None.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO)*: Không có/ *None.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers*: Không có/ *None.*

4.4. Tổng thu nhập của từng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, UBKT (bao gồm lương, thù lao,...) đã nhận trong 06 tháng đầu năm 2026 (01/01/2026 – 30/06/2026)/ *Total income of BOD members, the Board of Management, the BOA (including salary, remuneration, etc.) received in the first 6 months of 2026 (01/01/2026 – 30/06/2026):* Theo Phụ lục IV đính kèm/ *According to attached Appendix IV.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026)/ Share *transactions of internal persons and their affiliated persons (Report for the first six months of 2026)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:* Theo Phụ lục II đính kèm/ *According to atteched Appendix II.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:* Không có/ None.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues*: Không có/ *None.*

Nơi nhận/ Recipients:
- Như trên/ *As above;*
- Lưu: VP/ *Archived: the office.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN APG
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

LÊ ĐÌNH CHÍ LINH

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

APPENDIX I: THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY FOR THE FIRST 6 MONTHS OF 2026

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
1	Nguyễn Hồ Hưng *Nguyen Ho Hung*		Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD*			Tháng 05/2013 *May 2013*	19/6/2026	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 từ ngày 19/6/2026 *Dismissed pursuant to the 2026 GMS Resolution, effective from June 19th, 2026*	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
2	Huỳnh Minh Tuấn *Huynh Minh Tuan*		Phó Chủ tịch HĐQT *Vice Chairman of the BOD*			11/08/2024	19/6/2026	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 từ ngày 19/6/2026 *Dismissed pursuant to the 2026 GMS Resolution, effective from June 19th, 2026*	Người nội bộ *Internal person*
3	Trần Thiên Hà *Tran Thien Ha*		Tổng Giám đốc *General Director*			01/09/2007			Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
4	Lê Đình Chí *Linh* *Le Dinh Chi Linh*		Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT *Independent BOD Member cum Chairman of the BOA*			- Ngày bắt đầu là Thành viên HĐQT: 11/8/2024 *Date of commencement as BOD Member: August 11, 2024* - Ngày bắt đầu là Chủ tịch UBKT: 02/06/2025	Thời điểm không còn là thành viên độc lập HĐQT và Chủ tịch UBKT: 19/6/2026 *Date of ceasing to be an independent member of the BOD and* Chairman of the BOA: June 19, 2026	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 ngày 19/6/2026 và NQ HĐQT số 1019.2026. BOD ngày 19/6/2026 *Dismissed pursuant to the 2026 GMS Resolution date June 19th, 2026 and the BOD Resolution*	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
						Date of commencement as Chairman of the BOA: June 2, 2025		*No. 1019.2026. BOD dated June 19, 2026*	
5	Lê Bình Phương *Le Binh Phuong*		Thành viên HĐQT kiêm Thành viên UBKT *BOD Member cum Member of the BOA*			- Ngày bắt đầu là Thành viên HĐQT: 11/8/2024 *Date of commencement as BOD Member:*			Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
						August 11, 2024 - Ngày bắt đầu là Thành viên UBKT: 02/06/2025 *Date of commencement Member of the BOA: June 2, 2025*			
6	Ong Tee Chun (Weng Shiqun)		- Thành viên HĐQT			- Ngày bắt đầu là Thành		Được bầu là Phó Chủ tịch	Người nội bộ

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
			BOD member - Phó Chủ tịch HĐQT *Vice Chairman of the BOD*			viên HĐQT: 25/04/2025 *Start date as a Board Member: April 25, 2025* - Ngày bắt đầu là Phó Chủ tịch HĐQT: 19/06/2026 Start date as Vice		HĐQT theo NQ HĐQT số 1019.2026. BOD ngày 19/6/2026 *Elected as Vice Chairman of the Board of Directors according to Board Resolution No. 1019.2026. BOD dated*	*Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
						Chairman of the Board: June 19, 2026		*June 19, 2026.*	
7	Nguyễn Thị Tố Uyên *Nguyen Thi To Uyen*		Kế toán trưởng *Chief Accountant*			03/12/2025			Người nội bộ *Internal person*
8	Nguyễn Thị Quỳnh Nga *Nguyen Thi Quynh Nga*		Chuyên viên Kiểm toán nội bộ *Internal Audit Specialist*			03/12/2025			Người nội bộ *Internal person*
9	Trần Thị Thúy Liên *Tran Thi Thuy Lien*		Phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT *Corporate Governance*			02/06/2025	11/04/2026	Miễn nhiệm theo NQ của HĐQT số 1010.2026.	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
			Officer cum Secretary to the BOD					BOD(1) ngày 10/4/2026 *Dismissal according to Resolution of the Board of Directors No. 1010.2026. BOD(1) dated April 10, 2026*	
10	Bùi Trọng Bẩy *Bui Trong Bay*		Người được UQ CBTT *Authorized Person for Public*			30/12/2025			Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
			Information Disclosure						
11	CTCP Tập đoàn Đàn Hương Việt Nam *Vietnam Scented Wood Group Joint Stock Company*					22/12/2023	19/6/2026	Ông Nguyễn Hồ Hưng miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 từ ngày 19/6/2026 *Mr. Nguyen Ho Hung is dismissed pursuant to the 2026 GMS Resolution, effective*	

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
								from June 19th, 2026	
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Thành Công *Phuong Thanh Cong Investment Joint Stock Company*					11/8/2024	19/6/2026	Theo thông tin cập nhật của ông Lê Bình Phương tại ngày được tái bổ nhiệm là thành viên HĐQT của APG *According to updated information from Mr. Le Binh Phuong on the*	Ông Lê Bình Phương là Tổng Giám đốc *Mr. Le Binh Phuong is the CEO*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
								day of his reappointment as a member of the Board of Directors of APG.	
13	Pando I Investment Pte Ltd					18/06/2025			- Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết công ty. *An organization holding more than 10% of the company's*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
									voting shares - Tổ chức có liên quan của TV HĐQT Ông Ong Tee Chun *Related party of a Board Member Mr. Ong Tee Chun*
14	Trần Đình Huân *Tran Dinh Huan*		Phó Tổng Giám đốc Deputy General *Director*			01/04/2026		Được bổ nhiệm theo NQ HĐQT số 1008.2026.BOD(1) ngày 31/3/2026	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
								Appointed according to Board of Directors Resolution No. 1008.2026. BOD(1) dated March 31st, 2026	
15	Nguyễn Thanh Lâm *Nguyen Thanh Lam*		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			23/04/2026		Được bổ nhiệm theo NQ HĐQT số 1011.2026. BOD(1) ngày 23/4/2026 *Appointed according*	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
								to Board of Directors Resolution No. 1011.2026. BOD(1) dated April, 23rd 2026	
16	Tăng Nguyễn Trâm Anh *Tang Nguyen Tram Anh*		Người phụ trách quản trị Công ty *Corporate Governance Officer*			24/04/2026		Được bổ nhiệm theo NQ HĐQT số 1012.2026. BOD(2) ngày 24/04/2026 *Appointed according to Board*	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
								of Directors Resolution No. 1012.2026. BOD(2) dated April 24th 2026	
17	Lê Đình Chi Linh *Le Dinh Chi Linh*		Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD*			19/06/2026		Được bầu theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 ngày 19/6/2026 và NQ HĐQT số 1019.2026. BOD ngày 19/6/2026 *Elected pursuant*	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
								to the 2026 GMS Resolution date June 19th , 2026 and the BOD Resolution No. 1019.2026. BOD dated June 19, 2026	
18	Phan Tấn Quốc Việt *Phan Tan Quoc Viet*		Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT *Independent BOD Member*			Thời điểm bắt đầu là thành viên độc lập HĐQT và Chủ tịch UBKT:		Được bầu theo NQ ĐHĐCĐ năm 2026 ngày 19/6/2026 và NQ HĐQT số	Người nội bộ *Internal person*

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
			cum Chairman of the BOA			19/06/2026 *Date of commencement of duties as an independent member of the BOD and* Chairman of the BOA: June 19, 2026		1019.2026. BOD ngày 19/6/2026 *Elected pursuant to the 2026 GMS Resolution date June 19th , 2026 and the BOD Resolution No. 1019.2026. BOD dated June 19, 2026*	
19	Nguyễn Tuấn Anh		Thành viên HĐQT			19/06/2026		Được bầu theo NQ ĐHĐCĐ	Người nội bộ

Stt *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organizations/ persons*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan/ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do/ *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
	Nguyen Tuan Anh		*BOD Member*					năm 2026 ngày *19/6/2026 Elected according to the General Meeting Resolution of 2026 dated June 19, 2026*	*Internal person*

Ghi chú: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

PHỤ LỤC II: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

APPENDIX II: THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
1	**Nguyễn Hồ Hưng** ***Nguyen Ho Hung***		Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD* *(miễn nhiệm ngày 19/6/2026/Dismissal date: June 19, 2026)*			357.903	0,16	Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/6/2026 *Based on the list of shareholders as of June 30, 2026.*
1.1	Nguyễn Hồ Phương *Nguyen Ho Phuong*					0	0	Bố ruột *Father*
1.2	Nguyễn Thị Lợi *Nguyen Thi Loi*					0	0	Mẹ ruột *Mother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
1.3	Nguyễn Ngọc Lan *Nguyen Ngoc Lan*					0	0	Con *Child*
1.4	Nguyễn Hồ Phi Hảo *Nguyen Ho Phi Hao*					0	0	Con *Child*
1.5	Nguyễn Hồ Tâm Huy *Nguyen Ho Tam Huy*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD) *Child (still small, no ID card yet)*
1.6	Nguyễn Hồ Tuấn Kiệt *Nguyen Ho Tuan Kiet*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD) *Child (still small, no ID card yet)*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)_*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
1.7	CTCP Tập đoàn Đàn Hương Việt Nam *Vietnam Scented Wood Group Joint Stock Company*					0	0	Ông Hưng là Chủ tịch HĐQT *Mr. Hung is the Chairman of the BOD*
2	**Huỳnh Minh Tuấn** ***Huynh Minh Tuan***		**Phó Chủ tịch HĐQT** ***Vice Chairman of the BOD*** ***(miễn nhiệm ngày 19/6/2026/Dismissal date: June 19, 2026)***			0	0	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
2.1	Huỳnh Hà *Huynh Ha*					0	0	Bố ruột *Father*
2.2	Lê Thị Huyền Nga *Le Thi Huyen Nga*					0	0	Mẹ ruột *Mother*
2.3	Huỳnh Minh Tú *Huynh Minh Tu*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD) *Child (still small, no ID card yet)*
2.4	Huỳnh Minh Anh *Huynh Minh Anh*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD)

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
								Child (still small, no ID card yet)
2.5	Huỳnh Minh Trung *Huynh Minh Trung*					0	0	Em ruột *Brother*
2.6	Võ Thị Thùy Trang *Vo Thi Thuy Trang*					0	0	Em dâu *Sister-in-law*
3	**Trần Thiên Hà** ***Tran Thien Ha***		**Tổng giám đốc** ***General Director***			**340.000**	**0,1520**	
3.1	Trần Thành Huế *Tran Thanh Hue*					0	0	Bố ruột *Father (đã mất) (deceased)*
3.2	Trịnh Thị Kim Thanh					0	0	Mẹ ruột *Mother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Trinh Thi Kim Thanh							
3.3	Vũ Lệ Thủy *Vu Le Thuy*					0	0	Vợ *Wife*
3.4	Trần Anna *Tran Anna*					0	0	Con *Child*
3.5	Trần Hà Linh *Tran Ha Linh*					0	0	Con *Child*
4	**Lê Đình Chí Linh** ***Le Dinh Chi Linh***		**- Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT *(miễn nhiệm ngày 19/6/2026)*** ***Independent BOD Member cum Chairman of the BOA (Dismissal date: June 19, 2026)*** **- Chủ tịch HĐQT *(bổ nhiệm ngày 19/6/2026)***			**1.619.900**	**0,7244**	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
			Chairman of the BOD (appointed on June 19th, 2026)					
4.1	Phạm Thị Hoàng Diệu *Pham Thi Hoang Dieu*					1.445.000	0,6462	Vợ *Wife*
4.2	Lê Phạm Đình Khôi *Le Pham Dinh Khoi*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD) *Child (still small, no ID card yet)*
4.3	Lê Đình Chương *Le Dinh Chuong*					0	0	Em ruột *Brother*
4.4	Nguyễn Thị Kim Nhung					0	0	Em dâu *Sister-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Thi Kim Nhung							
4.5	Lê Thị Minh Phương *Le Thi Minh Phuong*					0	0	Em ruột *Sister*
4.6	Phan Đình Hải *Phan Dinh Hai*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
4.7	Lê Đình Lưu *Le Dinh Luu*					0	0	Bố ruột *Father*
4.8	Lê Thị Châu *Le Thi Chau*					0	0	Mẹ *Mother*
4.9	Lê Thị Kim Anh *Le Thi Kim Anh*					0	0	Em ruột *Sister*
4.10	Nguyễn Hoàng Phúc Vinh					0	0	Em rể *Brother-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)_*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Hoang Phuc Vinh							
4.11	Lê Đình Cường Quân *Le Dinh Cuong Quan*					0	0	Em ruột *Brother*
5	**Lê Bình Phương** ***Le Binh Phuong***		Thành viên HĐQT kiêm Thành viên UBKT *BOD member cum Member of the BOA*			**129.600**	**0,0580**	
5.1	Lê Bích *Le Bich*					0	0	Bố ruột *Father*
5.2	Lê Hương Lan *Le Huong Lan*					0	0	Vợ *Wife*
5.3	Lê Duy Kỳ					0	0	Bố vợ

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Le Duy Ky							*Father-in-law*
5.4	Lý Thị Bích *Ly Thi Bich*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
5.5	Lê Minh Anh *Le Minh Anh*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD) *Child (still small, no ID card yet)*
5.6	Lê Khánh My *Le Khanh My*					0	0	Con (còn nhỏ chưa có CCCD) *Child (still small, no ID card yet)*
5.7	Lê Thị Ánh Dương *Le Thi Anh Duong*					0	0	Em ruột *Sister*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
5.8	Lê Thị Nhật Ánh *Le Thi Nhat Anh*					0	0	Em ruột *Sister*
5.9	Trần Quang Huy *Tran Quang Huy*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
5.10	Lý Bình Sâm *Ly Binh Sam*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
5.11	Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Thành Công *Phuong Thanh Cong Investment Joint Stock Company*					0	0	Ông Lê Bình Phương là Tổng Giám đốc *Mr. Le Binh Phuong is the General Director*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
6	**Ong Tee Chun (Weng Shiqun)**		**- Thành viên HĐQT** ***BOD member*** **- Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 19/6/2026)** ***Vice Chairman of the BOD (appointed on June 19, 2026)***			**0**	**0**	
6.1	Pando I Investment Pte Ltd	800066				49.250.000	22,02	Ông Ong Tee Chun là Giám đốc *Mr. Ong Tee Chun is the Director*
6.2	Foo Chwee Hwa					0	0	Mẹ ruột *Mother*
6.3	Ong Tee Yuh					0	0	Em ruột *Brother*
6.4	Ong Tee Huan					0	0	Em ruột *Brother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
6.5	Ong Tee Leong					0	0	Em ruột *Brother*
6.6	Ong Tee Guan					0	0	Em ruột *Brother*
6.7	Ong Xiu Qian Serene					0	0	Vợ *Wife*
6.8	Tahlia Ong Kai En					0	0	Con *Child*
6.9	Asher Ong Kai Yi (Young)					0	0	Con *Child*
7	**Nguyễn Thị Tố Uyên** ***Nguyen Thi To Uyen***		**Kế toán trưởng** ***Chief Accountant***			**0**	**0**	
7.1	Ngô Thị Sợi *Ngo Thi Soi*					0	0	Mẹ ruột *Mother*
7.2	Hồng Thị Minh Hà *Hong Thi Minh Ha*					0	0	Mẹ chồng *Mother-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
7.3	Trương Quang Vũ *Truong Quang Vu*					0	0	Chồng *Husband*
7.4	Trương Gia Khánh *Truong Gia Khanh*					0	0	Con *Child*
7.5	Trương Gia Phúc *Truong Gia Phuc*					0	0	Con *Child*
7.6	Trương Gia Linh *Truong Gia Linh*					0	0	Con *Child*
7.7	Nguyễn Thị Hoa *Nguyen Thi Hoa*					0	0	Chị ruột *Sister*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
7.8	Nguyễn Đốc Ty *Nguyen Doc Ty*					0	0	Anh ruột *Brother*
7.9	Phạm Thị Gái *Pham Thi Gai*					0	0	Chị dâu *Sister-in-law*
7.10	Nguyễn Thành Phương *Nguyen Thanh Phuong*					0	0	Anh ruột *Brother*
7.11	Nguyễn Anh Pháp *Nguyen Anh Phap*					0	0	Anh ruột *Brother*
7.12	Hồ Thị Thanh Hương					0	0	Chị dâu *Sister-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Ho Thi Thanh Huong							
7.13	Nguyễn Thị Tuyết Nga *Nguyen Thi Tuyet Nga*					0	0	Chị ruột *Sister*
7.14	Nguyễn Duyệt Chương *Nguyen Duyet Chuong*					0	0	Anh ruột *Brother*
8	**Nguyễn Thị Quỳnh Nga** ***Nguyen Thi Quynh Nga***		**Chuyên viên Kiểm toán nội bộ** ***Internal Audit Specialist***			**10.000**	**0,0045**	
8.1	Nguyễn Quốc Tuấn *Nguyen Quoc Tuan*					0	0	Anh trai *Brother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
8.2	Nguyễn Thanh Tùng *Nguyen Thanh Tung*					0	0	Anh trai *Brother*
8.3	Nguyễn Thị Diệu Thúy *Nguyen Thi Dieu Thuy*					0	0	Chị gái *Sister*
8.4	Nguyễn Thị Nguyệt *Nguyen Thi Nguyet*					0	0	Chị dâu *Sister-in-law*
8.5	Nguyễn Tuấn Hải *Nguyen Tuan Hai*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
9	**Trần Thị Thúy Liên** ***Tran Thi Thuy Lien***		**Phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT** ***In charge of corporate***			**0**	**0**	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
			governance cum Secretary of the BOD (bãi nhiệm ngày 11/4/2026 (Dismissal on April 11, 2026)					
9.1	Trần Văn Ngỗng *Tran Van Ngong*					0	0	Cha ruột *Father*
9.2	Nguyễn Thị Nhung *Nguyen Thi Nhung*					0	0	Mẹ ruột *Mother*
9.3	Nguyễn Thị Thanh *Nguyen Thi Thanh*					0	0	Mẹ chồng *Mother-in-law*
9.4	Đinh Công Minh					0	0	Chồng *Husband*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Dinh Cong Minh							
9.5	Trần Thị Thúy Liễu *Tran Thi Thuy Lieu*					0	0	Chị ruột *Sister*
9.6	Nguyễn Hoàng Tú *Nguyen Hoang Tu*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
10	**Bùi Trọng Bẩy** ***Bui Trong Bay***		**Người được UQ CBTT** ***Authorized Person for Information Disclosure***			**0**	**0**	
10.1	Phạm Thị Hường *Pham Thi Huong*					0	0	Mẹ ruột *Mother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
10.2	Phạm Hoàng Ngọc Uyên *Pham Hoang Ngoc Uyen*					0	0	Vợ *Wife*
10.3	Bùi Minh Nguyệt *Bui Minh Nguyet*					0	0	Con *Child*
10.4	Bùi Anh Tuấn *Bui Anh Tuan*					0	0	Con *Child*
10.5	Bùi Thị Vui *Bui Thi Vui*					0	0	Chị gái *Sister*
10.6	Bùi Văn Chỉnh *Bui Van Chinh*					0	0	Anh trai *Brother*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)_*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
10.7	Võ Thị Kim Thanh *Vo Thi Kim Thanh*					0	0	Chị dâu *Sister-in-law*
10.8	Bùi Thị Tươi *Bui Thi Tuoi*					0	0	Chị gái *Sister*
10.9	Nguyễn Văn Quân *Nguyen Van Quan*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
10.10	Bùi Thị Thắm *Bui Thi Tham*					0	0	Chị gái *Sister*
10.11	Nguyễn Văn Luyến *Nguyen Van Luyen*							Anh rể *Brother-in-law*
11	**Trần Đình Huân**		**Phó Tổng Giám đốc** **Deputy General Director**			**0**	**0**	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Tran Dinh Huan							
11.1	Trần Văn Hường *Tran Van Huong*					0	0	Cha ruột *Father*
11.2	Nguyễn Thị Chinh *Nguyen Thi Chinh*					0	0	Mẹ ruột *Mother*
11.3	Trần Đình Nguyên *Tran Dinh Nguyen*					0	0	Em ruột *Brother*
11.4	Trần Đình Khôi *Tran Dinh Khoi*					0	0	Em ruột *Brother*
11.5	Trần Nguyễn Phương Nhi					0	0	Con *Child*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)_*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Tran Nguyen Phuong Nhi							
11.6	Trần Nguyễn Mai Anh *Tran Nguyen Mai Anh*					0	0	Con *Child*
12	**Nguyễn Thanh Lâm** ***Nguyen Thanh Lam***		**Phó Tổng Giám đốc** ***Deputy General Director***			**0**	**0**	
12.1	Nguyễn Xuyên Sơn *Nguyen Xuyen Son*					0	0	Bố đẻ *Father*
12.2	Bùi Như Đài *Bui Nhu Dai*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
12.3	Mai Thanh Xuân					0	0	Mẹ Vợ

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)_*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Mai Thanh Xuan							*Mother-in-law*
12.4	Trần Thị Thu Huyền *Tran Thi Thu Huyen*					0	0	Vợ *Wife*
12.5	Nguyễn Duy Linh *Nguyen Duy Linh*					0	0	Con Trai *Son*
12.6	Nguyễn Huyền My *Nguyen Huyen My*					0	0	Con gái *Daughter*
12.7	Nguyễn Thanh Tuấn *Nguyen Thanh Tuan*					0	0	Em trai *Brother*
12.8	Nguyễn Trâm Anh					0	0	Em dâu *Sister-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Tram Anh							
12.9	Trần Xuân Thành					0	0	Anh Vợ *Brother-in-law*
12.10	Trần Xuân Nội					0	0	Anh Vợ *Brother-in-law*
13	**Tăng Nguyễn Trâm Anh**		**Người phụ trách quản trị Công ty** ***Person in Charge of Corporate Governance***			**0**	**0**	
13.1	Nguyễn Thị Ngọc *Nguyen Thi Ngoc*					0	0	Mẹ *Mother*
13.2	Lê Hồng Phổ *Le Hong Pho*					0	0	Cha chồng *Father-in-law*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Lê Thị Thanh Hà *Le Thi Thanh Ha*					0	0	Mẹ chồng *Mother-in-law*
13.3	Lê Hồng Quang *Le Hong Quang*					0	0	Chồng *Husband*
13.4	Lê Ánh Vy *Le Anh Vy*					0	0	Con *Child*
13.5	Lê Minh Như *Le Minh Nhu*					0	0	Con *Child*
13.6	Tăng Ngọc Đăng Tâm *Tang Ngoc Dang Tam*					0	0	Em ruột Sister
13.7	Tăng Ngọc Minh Khánh *Tang Ngoc Minh Khanh*					0	0	Em ruột Sister
13.8	Lê Anh Tuấn					0	0	Em rể

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Le Anh Tuan							*Brother-in-law*
14	**Phan Tấn Quốc Việt** ***Phan Tan Quoc Viet***		**Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT** ***Independent BOD Member cum Chairman of the BOA***			**0**	**0**	
14.1	Phan Tấn Nguyên *Phan Tan Nguyen*					0	0	Ba *Father*
14.2	Nguyễn Thị Phi Hà *Nguyen Thi Phi Ha*					0	0	Mẹ *Mother*
14.3	Trần Yến Nhi					0	0	Vợ *Wife*

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Tran Yen Nhi							
14.4	Trần Văn Khén *Tran Van Khen*					0	0	Ba vợ Father-in-law
14.5	Quách Bạch Yến *Quach Bach Yen*					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
14.6	Phan Nguyễn Như Quỳnh *Phan Nguyen Nhu Quynh*					0	0	Em *Sister*
14.7	Phan Trần Mai Anh *Phan Tran Mai Anh*					0	0	Con *Child*
15	**Nguyễn Tuấn Anh**		**Thành viên HĐQT** ***BOD Member***			**0**	**0**	

STT *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có)_*Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Tuan Anh							
15.1	Nguyễn Xuân Thoại *Nguyen Xuan Thoai*					0	0	Bố *Father*
15.2	Võ Thị Nguyệt *Vo Thi Nguyet*					0	0	Mẹ *Mother*
15.3	Nguyễn Thị Ánh Ngọc *Nguyen Thi Anh Ngoc*					0	0	Em gái *Sister*

Ghi chú/ Note: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

PHỤ LỤC III. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

APPENDIX *III: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS*

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
1	Pando I Investment PTE.LTD	- Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết công ty *An organization holding more than 10% of the company's voting shares* - Tổ chức có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT *An organization related to Vice*			Nửa đầu năm 2026 *The first half of 2026*	NQ HĐQT số 1002.2026.BOD(1) ngày 06/01/2026 *Resolution No.* 1002.2026.BOD(1) *dated* 06/01/2026 NQ HĐQT số 1009.2026.BOD(1) ngày 01/4/2026 *Resolution No.* 1009.2026.BOD(1) *dated* 01/4/2026	1.Giao dịch vay với giá trị 10.750.000 USD (tương đương khoảng *282.004.750.000* đồng *Loan transaction with a value of USD 10,750,000 (equivalent to approximately VND 282,004,750,000)* 2.Giao dịch trả nợ vay ngày 02/04/2026, số tiền:	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
		Chairman of the BOD					9.728.972,6USD (tương đương 256.309.783.147 đồng *Loan repayment transaction dated 02/04/2026, amount: USD 9,728,972.6 (equivalent to VND 256,309,783,147)* 3.Lãi vay phát sinh trong kỳ: 323.558 (tương đương 8.459.964.527 đồng) *Interest expense incurred during the period: USD 323,558 (equivalent to VND 8,459,964,527)*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							4.Công nợ vay phải trả: 10.979.284,25 USD (tương đương: 288.601.465.706 đồng). Trong đó: *-Số dư nợ gốc: 10.750.000 USD* *-Số dư lãi vay phải trả: 229.284,25 USD* *Outstanding loan payable: USD 10,979,284.25 (equivalent to VND 288,601,465,706) Including:* *-Outstanding principal balance: USD 10,750,000* *-Outstanding interest payable: USD 229,284.25*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
2	Nguyễn Hồ Hưng *Nguyen Ho Hung*	Chủ tịch HĐQT *Chairman of BOD* (miễn nhiệm ngày 19/6/2026) *(dismissal on June 19, 2026)*			Nửa đầu năm 2026 *The first half of 2026*		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 122 đồng Công nợ phải thu: 20 đồng *Revenue from securities transactions: VND 122* *Receivable: VND 20*	
3	Nguyễn Thị Lợi *Nguyen Thi Loi*	Người có liên quan của người nội bộ *Affiliated persons*			Nửa đầu năm 2026 *The first half of 2026*		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 102.627 đồng Công nợ phải thu: 17.010 đồng *Revenue from securities transactions VND 102,627*	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							Receivable VND 17,010	
4	Trần Thiên Hà *Tran Thien Ha*	Tổng Giám đốc *General Director*			Nửa đầu năm 2026 *The first half of 2026*		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 553.860 đồng Công nợ phải thu: 455.955 đồng *Revenue from securities transactions: VND 553,860* *Receivable VND 455,955*	
5	Nguyễn Thị Quỳnh Nga *Nguyen Thi Quynh Nga*	Người nội bộ *Internal persons*			Nửa đầu năm 2026 *The first half of 2026*		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 54.247 đồng	

STT *No.*	Tên tổ chức/ cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ với công ty *Relationship with the company*	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the company*	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of Transaction*	Ghi chú *Note*
							Công nợ phải thu: 8.991 đồng *Revenue from securities transactions VND 54,247* *Receivable VND 8,991*	
6	Tăng Nguyễn Trâm Anh *Tang Nguyen Tram Anh*	Người nội bộ *Internal persons*			Nửa đầu năm 2026 *The first half of 2026*		Doanh thu cung cấp dịch vụ chứng khoán: 3.550 đồng Công nợ phải thu: 122 đồng *Revenue from securities transactions VND 3,550* *Receivable VND 122*	

PHỤ LỤC IV: TỔNG THU NHẬP CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, UBKT, TỔNG GIÁM ĐỐC (BAO GỒM LƯƠNG, THÙ LAO,...) ĐÃ NHẬN TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (01/01/2026 – 30/6/2026)

APPENDIX *IV: TOTAL INCOME OF BOD MEMBERS, THE BOA, AND THE GENERAL DIRECTOR (INCLUDING SALARY, REMUNERATION, ETC.) RECEIVED DURING THE FIRST SIX MONTHS OF 2026 (01/01/2026 – 30/06/2026)*

STT/ *No.*	Tên cá nhân/ *Name*	Chức danh/ *Position*	Tổng thu nhập (đồng)/ *Total income (VND)*
1	Ông Nguyễn Hồ Hưng *Mr. Nguyen Ho Hung*	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 19/6/2026) *Chairman of the BOD (dismissal on June 19, 2026)*	51,000,000
2	Ông Trần Thiên Hà *Mr. Tran Thien Ha*	Tổng giám đốc *General Director*	530,666,700
3	Ông Huỳnh Minh Tuấn *Mr. Huynh Minh Tuan*	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 19/6/2026) *Vice Chairman of the BOD (dismissal on June 19, 2026)*	47,250,000
5	Ông Lê Đình Chí Linh *Mr. Le Dinh Chi Linh*	Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT (miễn nhiệm ngày 19/6/2026) *Independent BOD Member, Chairman of the BOA (dismissal on June 19, 2026)* Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 19/6/2026) *Chairman of the BOD (appointed from June 19, 2026)*	0
6	Ông Lê Bình Phương *Mr. Le Binh Phuong*	Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT *BOD Member, BOA Member*	47,250,000
7	Ông/ *Mr.* Ong Tee Chun (Weng Shiqun)	Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 19/6/2026)	0

STT/ *No.*	Tên cá nhân/ *Name*	Chức danh/ *Position*	Tổng thu nhập (đồng)/ *Total income (VND)*
		Vice Chairman of the BOD (appointed from June 19, 2026)	
8	Ông Trần Đình Huân *Mr. Tran Dinh Huan*	Phó Tổng giám đốc *Deputy General Director*	240,500,000
9	Ông Nguyễn Thanh Lâm *Mr. Nguyen Thanh Lam*	Phó Tổng giám đốc *Deputy General Director*	182,318,200
10	Ông Phan Tấn Quốc Việt *Mr. Phan Tan Quoc Viet*	Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT (bổ nhiệm ngày 19/6/2026) *Independent BOD Member, Chairman of the BOA (appointed from June 19, 2026)*	0
11	Ông Nguyễn Tuấn Anh *Mr. Nguyen Tuan Anh*	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 19/6/2026) *BOD Member (appointed from June 19, 2026)*	0